

LUẬT TỤC CỦA NGƯỜI TÀ-ÔI VỀ SỞ HỮU ĐẤT ĐAI Ở VÙNG NÚI QUẢNG TRỊ VÀ THỪA THIÊN - HUẾ

NGUYỄN VĂN MẠNH

Người Tà-ôi có khoảng 29.000 người, phân bố chủ yếu ở huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên - Huế và các huyện Đakrong, Hướng Hoá tỉnh Quảng Trị. Ở tộc người này, cho đến nay vẫn còn tồn tại loại hình luật tục dưới dạng quy ước thực hành xã hội. Nét đặc trưng của luật tục người Tà-ôi là chưa được ghi chép thành văn bản, chưa được hệ thống hoá thành những lời văn truyền miệng, mà chỉ là những kinh nghiệm, những tri thức bản địa được nâng lên thành những quy ước, những nguyên tắc. Nó được mọi người tuân theo một cách tuyệt đối dưới sức mạnh của dư luận xã hội và tâm linh tôn giáo. Trong hệ thống luật tục của người Tà-ôi, việc xác định quyền sở hữu đất đai là lĩnh vực hết sức quan trọng. Bài viết này nhằm giới thiệu hình thức luật tục đó trong xã hội truyền thống.

Trước hết chúng ta xét đến tổ chức quản lý cổ truyền với tư cách là chủ sở hữu đất đai ở người Tà-ôi, đó là làng bản. Trong xã hội truyền thống, làng bản là thiết chế cao nhất của người Tà-ôi, với đầy đủ quyền sở hữu. Đây là tổ chức có vai trò phân phối nguồn tài nguyên đất, quy hoạch đất, thông qua vai trò của chủ làng, người có chức năng đại diện cộng đồng thực hiện quyền năng đó. Chủ làng, chủ đất là người am hiểu sâu rộng về phong tục, tập quán, là người có công khai phá đất đai xây dựng làng bản, là người xác lập quyền sở hữu đối với các nguồn tài nguyên thiên nhiên, trong đó có đất đai. Bởi vậy, ông luôn là người đại diện cho cộng đồng thực hiện quyền quản lý, phân phối đất đai. Cụ thể, quyền và trách nhiệm của chủ làng được luật tục quy định như sau: chủ

làng có trách nhiệm chỉ cho các dòng họ, các gia đình, thành viên biết về ranh giới đất đai, phạm vi sông suối, rừng núi thuộc quyền quản lý của làng mình, cũng như quy định những khu vực cấm, những vùng sở hữu chung mang ý nghĩa tín ngưỡng mà cá nhân chỉ có quyền sử dụng, hay quy định những hành vi bị xem là vi phạm và có quyền xử phạt các vụ vi phạm.

Trên cơ sở đó, chủ làng, chủ đất quy định các nguồn đất đai do cộng đồng quản lý và thuộc hộ gia đình quản lý trực tiếp. Đất đai do làng quản lý bao gồm đất canh tác, đất thổ cư, bãi chăn thả, bãi tha ma, đường sá, bến nước, nơi thờ cúng chung và các công trình công cộng khác. Đất đai giao cho hộ gia đình quản lý gồm đất rẫy, đất làm nhà, đất vườn; trong đó đất đai gắn với quyền thừa kế là đất nhà và đất vườn. Như vậy đối với đất đai, hình thức sở hữu cộng đồng đã tồn tại từ lâu trong xã hội cổ truyền của người Tà-ôi. Điều này được thực hiện qua vai trò quản lý, điều chế của người đại diện là chủ làng.

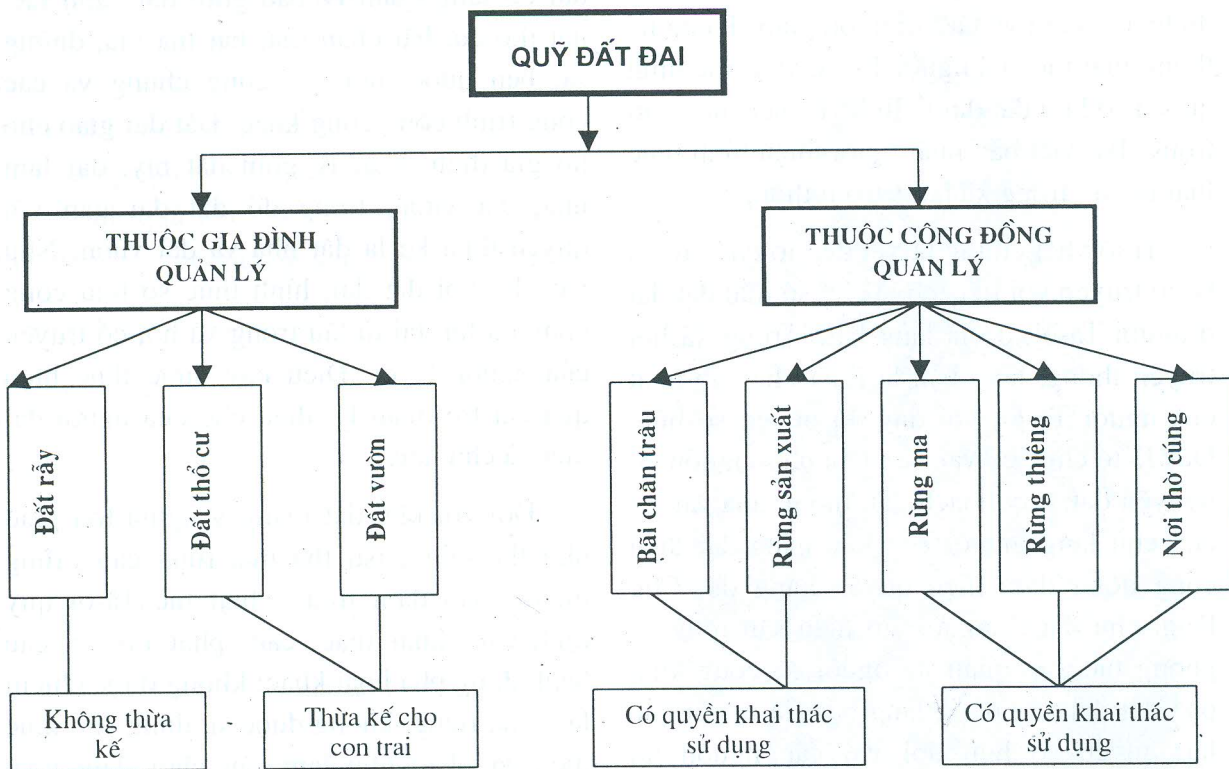
Đối với khu đất mang ý nghĩa tôn giáo như thờ cúng, bãi tha ma, rừng cấm, rừng thiêng, sân đâm trâu..., luật tục Tà-ôi quy định cấm khai thác, cấm phát rẫy và các hành động phá hoại khác; không được chiếm làm của riêng, không được sử dụng vào mục đích cá nhân như làm sân chơi, làm nhà, không được phóng uế... Nếu vi phạm sẽ bị phạt lợn, gà và rượu... Ngoài ra các thành viên phải có nghĩa vụ giữ gìn, bảo vệ; ai ở gần sân đâm trâu phải quét dọn, phải báo cho chủ làng các hành vi vi phạm ở những nơi

thờ cúng. Đối với công trình chung, như đường sá, máng nước, hàng rào, bến nước, cổng làng..., ai vô tình phá hỏng sẽ bị nhắc nhở và buộc phải làm lại, nếu cố tình sẽ bị phạt bằng gà. Luật tục cũng quy định rõ quyền quản lý cao nhất các vùng đất thiêng thuộc về chủ làng. Ông là người có quyền xử phạt các vi phạm đất thiêng, nhưng phải trên cơ sở thống nhất ý kiến chung của dân làng cũng như sự góp ý của già làng. Lễ vật của người bị phạt thuộc về tập thể, không thuộc về cá nhân chủ làng.

Đất đai thuộc dòng họ, gia đình hoặc cá nhân quản lý trực tiếp là những khu vực như đất rẫy, đất làm nhà ở, nương vườn, chuồng trại chăn nuôi, những khu vực đất đai nằm

trong hệ thống đất thổ cư và canh tác... Đối với những khu đất này, trên nguyên tắc là thuộc quyền sở hữu và quản lý của làng. Các dòng họ, gia đình, cá nhân chỉ thực hiện quyền quản lý trực tiếp; có quyền chiếm hữu và sử dụng để khai thác và sản xuất phục vụ nhu cầu sinh tồn. Quyền sở hữu tối cao của làng về đất đai được thực hiện ở khía cạnh: người sử dụng không được trao đổi, mua bán, chuyển nhượng những khu đất đó với người ngoài làng. Điều này thể hiện sự kết hợp quyền sở hữu của cộng đồng với quyền chiếm hữu của các thành viên: cộng đồng tôn trọng quyền chiếm hữu của cá nhân, nhưng cộng đồng cũng khẳng định quyền sở hữu tối cao của mình về đất đai.

Sơ đồ quản lý và sử dụng đất trong phạm vi làng (vel)



Đối với đất thổ cư thuộc dòng họ, gia đình trực tiếp quản lý như nhà cửa và vườn quanh nhà thì có thể thừa kế. Khi bố mẹ chết, đất đai này được để lại cho con cái

hoặc anh em trong dòng họ, và làng không có quyền can thiệp. Làng chỉ thu lại khi trong họ không có người thừa kế. Quyền thừa kế được chia đều cho tất cả con trai của

người có gia sản nói trên. Trong quá trình phân chia tài sản, nếu anh em không tự giải quyết được thì mời chủ họ giải quyết, nếu vẫn không được thì mời chủ làng.

Với đất rẫy dùng cho canh tác lúa, hoa màu, luật tục có những quy định rất cụ thể và chặt chẽ. Trong phạm vi thuộc quyền quản lý của làng, luật tục không giới hạn đất rẫy của mỗi gia đình, mà tùy thuộc vào khả năng khai phá của gia đình đó. Khi tiến hành phát rẫy chọn đất, người làm phải báo cho chủ làng và tiến hành lễ cúng với thần đất. Đó là cơ sở để giải quyết khi xảy ra tranh chấp. Khi tìm đất rẫy, cá nhân phải xác lập quyền làm chủ của mình như phát một vòng bao quanh rẫy, hoặc khắc sâu vào một thân cây gỗ ở khu rẫy và gài lá tươi vào đó, hoặc *gút* một vài ngọn cây ở khu vực đó. Đối với những khu rẫy quy mô lớn, đồng bào thường xác định quyền chiếm hữu bằng cách sau: phát một đám nhỏ (khoảng 4m²) rồi lấy một đoạn tre hoặc lồ ô tách làm bốn và bẻ cong bốn phân cắm bốn phía xung quanh. Ở giữa ống tre, người ta bỏ một ít lá cây tươi và một ít đất lấy ở khu rẫy đó. Mọi thành viên có quyền làm dấu ở những khu đất chưa có ai chiếm hữu. Thông thường, tìm rẫy là công việc của đàn ông nên người làm dấu cũng là đàn ông. Người Tà-ôi có tập quán là nhiều gia đình thường rủ nhau cùng làm rẫy ở một khu rừng, vì thế việc xác định ranh giới giữa các rẫy gần nhau cũng rất quan trọng. Trong thời gian phát rẫy, những cây ở giữa hai rẫy thường được để cao và đó cũng là hàng rào bảo vệ rẫy. Những quy định này mang tính quy ước, hình thành từ bao đời và được các thành viên trong bản tôn trọng, vì thế ít xảy ra tranh chấp hay xâm phạm quyền chiếm hữu. Theo quan niệm của đồng bào Tà-ôi, khi tiến hành làm dấu báo hiệu đất đã có chủ tức là được sự chứng kiến của *Yàng Cute*

(thần đất). *Yàng Cute* ở đó sẽ biết ai là người đến trước làm dấu. Vì thế nếu ai tranh giành sẽ bị thần phạt và nếu có trúa lúa cũng không được mùa.

Một đám rẫy thường được sử dụng sản xuất hai vụ (hai năm). Trong thời gian này, đất rẫy thuộc quyền sử dụng của chủ rẫy. Sau đó, đồng bào bỏ rẫy (vì đất xấu hoặc bạc màu) và đi tìm rẫy khác. Sau 3 - 5 năm (khoảng thời gian cho cây rừng phục hồi) họ quay lại và xác lập quyền chiếm hữu (nếu chưa có ai chiếm hữu và sử dụng). Điều này có nghĩa, trong thời gian bỏ hoá, rẫy thuộc quyền quản lý của chủ làng, nên ai cũng có quyền khai phá chiếm hữu. Trong trường hợp này, người khai phá rẫy bỏ hoá của người khác chỉ cần thông báo với chủ rẫy cũ. Trường hợp người ngoài làng muốn canh tác ở vùng đất của làng, họ phải xin phép, và phải được dân làng đồng ý, nếu không sẽ bị xem là hành vi lấn chiếm và bị xử phạt theo quy định của làng. Luật tục Tà-ôi quy định, người ngoài làng đến xin cư trú trong làng, trước hết phải có sự thoả thuận của hai chủ làng (nơi nhập cư và nơi xuất cư). Khi được sự chấp nhận của chủ làng mới, cá nhân đó sẽ có quyền và nghĩa vụ, như được sở hữu, chiếm hữu, sử dụng các nguồn tài nguyên đất đai, rừng sông suối..., cũng như quyền định đoạt các sản phẩm do mình làm ra như các thành viên khác trong làng; có nghĩa vụ bảo vệ làng, đóng góp khi làng có hội hè, cũng như phải tuân theo những quy định của làng về vi phạm và xử phạt. Ngược lại, người trong làng chuyển cư đi nơi khác, hay bị đuổi khỏi làng sẽ bị thu hồi quyền lợi. Trong trường hợp xác định quyền và nghĩa vụ đối với người nhập cư, chủ làng phải tổ chức cúng, vì người Tà-ôi cho rằng phải báo *Yàng* biết về thành viên mới tham gia sở hữu đất đai để thần phù hộ, không bắt tội dân làng.

Nếu người làng khác tự sang đất của làng phát rẫy, làm nhà, phải chịu phạt với cả làng của người ấy và làng bên. Riêng đất rẫy xâm canh sẽ bị thu hồi và phần đất ấy thuộc về người phát hiện và báo cho chủ làng. Ở đây luật tục phân biệt rõ lỗi cố tình và lỗi vô tình. Lỗi cố tình là khi người xâm lấn đất đã biết rõ phạm vi khai thác của làng mình và làng khác nhưng vẫn vi phạm. Trong trường hợp này, người phạm tội phải nộp phạt bằng dê hoặc lợn để lễ tạ thần linh. Đối với lỗi vô tình, là do chủ làng bên không thông báo cho các thành viên làng mình biết ranh giới của làng, khiến họ vi phạm. Trong trường hợp đó chủ làng sẽ bị xử phạt tùy theo mức độ và tính chất sự việc.

Người ngoài làng cũng có thể đến làm rẫy trên đất của làng, khi được sự đồng ý của chủ làng. Lễ cúng là một con lợn và một con gà; sau mùa vụ phải trả lại đất đó. Đây là hình thức chuyển giao quyền sử dụng tạm thời, tức một sự xâm canh hợp pháp. Lễ cúng nhằm thông báo với *Yàng Cute* biết về chủ sở hữu tạm thời, mong *Yàng* phù hộ cho dân làng được mùa và giữ gìn đoàn kết.

Như vậy, nếu có người ngoài làng tự ý khai thác đất đai trong lãnh thổ của làng mình, có nghĩa là không gian sinh tồn của làng bị xâm phạm, quyền sở hữu của làng bị đe dọa, và theo tín ngưỡng, *Yàng Cute* bị xúc phạm. Trong quan niệm của đồng bào, khi con người tác động vào đất đai là động tới của cải của *Yàng* - chủ sở hữu tối cao; vì vậy, phải làm lễ cúng chuộc tội, trả ơn *Yàng*. Quan niệm này xuất phát từ suy nghĩ tất cả mọi vật đều có linh hồn và có các vị thần cai quản. Bởi vậy, nếu một làng phát rẫy sang ranh giới của làng khác, phải chịu lễ vật cho làng đó; nhưng nếu hai làng cùng phát rẫy qua ranh giới của nhau thì làng nào phát rẫy nhiều trên đất làng kia sẽ chịu nộp lễ vật

nhiều hơn. Trong trường hợp hai làng cùng tổ chức lễ cúng do vi phạm ranh giới, điều cấm kỵ là không được cúng lễ vật bằng bò (bò chỉ dùng cúng riêng trong tất cả các nghi lễ của mỗi làng), vì theo đồng bào, bò là giống cái, tượng trưng cho cái váy (màu đỏ) nên *Yàng* không ưa, nếu cúng sẽ xảy ra xích mích giữa hai làng...

Khi hai làng xảy ra tranh chấp về ranh giới, phạm vi khai thác, xâm canh đất đai nhưng không tự giải quyết được, họ phải mời làng thứ ba, với tư cách là trung gian hoà giải và để đảm bảo tính khách quan, công bằng. Làng được mời thường là làng khai khẩn đầu tiên trong khu vực, am hiểu phong tục, lệ tục; nếu không, làng được mời phải có vị chủ làng giỏi xử kiện, hoà giải, có tài nói lý và thực sự có uy tín trong vùng. Ông là người đến vùng đó trước nhất, vì thế ông có quyền phân chia ranh giới, quy định, phân phối đất đai, rừng núi, sông suối tài nguyên thiên nhiên cho làng về sau. Làng về sau muốn lập làng phải xin phép. Việc xin phép được thực hiện bằng một lễ xin đất lập làng (thông báo với các *Yàng* cai quản vùng đất đó: *Yàng Cute*, *Yàng Aruih*, *Yàng Pi Loong*). Có thể nhận thấy rằng, ranh giới bản làng, địa hình cư trú, phạm vi sở hữu được phân định chỉ bằng sự ước lượng của các chủ làng, già làng. Tuy vậy những quy định ấy là văn bản sống, tồn tại trong ý thức người dân, nên được chấp hành nghiêm chỉnh. Các mốc ranh giới chủ yếu dựa vào các yếu tố tự nhiên như sông, suối, khe, núi, đồi. Đó chính là những tiêu điểm hằn sâu vào ý thức của mọi thành viên dân làng, có tác dụng ngăn cản những hành vi xâm canh, xâm cư.

Khi phân chia ranh giới đất đai, người Tà-ôi tổ chức lễ cúng ranh giới giữa hai làng (lễ *Ango cruông Cute*). Chủ lễ là chủ làng về trước, lễ vật do làng về sau (xin đất) đóng

góp với mục đích báo với Yàng về ranh giới và dân hai làng, mong Yàng đừng bắt tội, gây xích mích, tranh chấp. Đồng thời qua lễ này, chủ làng báo với dân làng về phạm vi ranh giới các vùng đất đai, rừng núi thuộc làng, giữa các làng, cũng như khu vực cấm, khu vực thuộc quyền quản lý của nhiều làng, và các quy định về phạm vi xử phạt. Lễ được tổ chức 3 năm hoặc 5 năm một lần. Nhưng cũng có khi tổ chức bất thường, nếu hai làng xảy ra tranh chấp. Trong trường hợp này, nghi lễ vừa có ý nghĩa như một buổi xử phạt, vừa có vai trò hoà giải.

Trong 3 năm đầu, nghi lễ do làng về trước chủ trì, với tư cách là chủ sở hữu đầu tiên và lễ vật do làng về sau đóng góp (sau 3 năm lễ vật ấy do cả hai làng cùng đóng góp)¹. Các lễ vật sau khi cúng đều do làng đến trước chia phần (ăn tại chỗ hoặc có quyền đem về), bởi lúc này quyền sở hữu chưa hoàn toàn được giao cho làng đến sau. Phải sau 3 năm, làng cũ mới bàn giao quyền cho làng mới. Khi ấy, làng đó mới tồn tại với tư cách là một làng độc lập. Từ đó, trong lễ cúng hàng năm, làng đến sau phải mời làng đến trước tham dự với tư cách là khách mời không thể thiếu.

Lễ cúng ranh giới có ý nghĩa rất quan trọng, mang màu sắc tôn giáo, vừa nhằm "xin phép" Yàng để xác nhận quyền sở hữu. Trong trường hợp hai làng đến khai phá cùng thời gian thì có quyền sở hữu như nhau đối với đất đai, nhưng quyền tổ chức lễ cúng ranh giới lại khác nhau. Quyền đó thuộc về làng nào làm xong nhà trước hoặc chủ làng

nào có tuổi cao hơn, hay làng nào có dòng họ lâu đời hơn.

Lễ cúng ranh giới thường được tổ chức vào 25 tháng 5 Âm lịch, sau khi trỉa xong lúa mùa. Địa điểm để cúng là ranh giới hai làng, lễ vật do hai làng đóng góp, nhưng trong quá trình sinh sống, làng nào vi phạm nhiều phải nộp lễ nhiều hơn. Lễ được xếp làm 3 tầng: tầng trên có hương vò cây, 2 bát cơm, 2 bát thịt (chia làm 100 miếng cho 100 vị thần) đã nấu chín. Tầng giữa là các đồ dùng sinh hoạt, sản xuất cho Yàng như trang phục, trang sức, vũ khí, công cụ lao động... Tầng cuối cùng là phần thịt sống cho ma quỷ ăn. Xung quanh mâm cúng được xếp đá và cắm cây cối (đá tượng trưng những thứ trả lại cho Yàng, cây cối tượng trưng cho sự tốt tươi).

Ngoài ra, người Tà-ôi còn có lễ Pubon, được tổ chức khi hai làng (hoặc nhiều làng) làm chung rẫy ở vùng đất không phân chia ranh giới. Đây là khu vực thuộc sở hữu liên làng. Lễ mang ý nghĩa thông báo với Yàng về những chủ rẫy làm rẫy hướng đó, xin Yàng phù hộ đừng gây xích mích mất đoàn kết. Lễ vật gồm một con trâu hoặc dê do các làng cùng đóng góp, ngoài ra mỗi gia đình còn góp một con gà.

Như vậy luật tục về xác định quyền sở hữu với đất đai của người Tà-ôi có vai trò to lớn trong việc tự quản ở cộng đồng. Nó thừa nhận, bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về sở hữu cộng đồng và là công cụ nhằm quản lý đất đai trực tiếp của người dân. Trong xu thế phát triển của nước ta hiện nay, muốn quản lý tài nguyên rừng một cách có hiệu quả, cần phải kế thừa, phát huy những giá trị của luật tục các dân tộc thiểu số, trong đó luật tục của người Tà-ôi.

¹ Trong 3 năm đầu, ngoài lễ hàng năm mang ý nghĩa trả ơn cho đất dựng làng, làng đến sau, khi săn bắn được thú lớn phải chia phần cho làng đến trước như một hình thức tỏ lòng tôn trọng đối với làng đến trước.